Bản gốc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2017/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 13 tháng 01 năm 2017*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN
Số:.....
ĐẾN Ngày: 17/02/2017
Chuyển:.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc

áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 49/2013/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài Chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh uỷ, TT. HĐND;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- LĐ UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Điện Biên;
- Hội Nông dân, Hội LH phụ nữ, Liên minh HTX tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, KTN(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Mùa A Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2017/QĐ-UBND ngày 13 /01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt *(VietGAP)* trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các chính sách hỗ trợ tại Quy định này nếu trùng với chính sách hỗ trợ khác thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất; các nội dung không có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế trên địa bàn tỉnh Điện Biên *(sau đây gọi tắt là người sản xuất)* sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ tại Điều 4 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt bao gồm VietGAP *(Vietnamese Good Agricultural Practices)* do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng *(gọi chung là VietGAP)*.

2. Áp dụng VietGAP là quá trình áp dụng VietGAP ở một trong hai cấp độ sau:

a) Áp dụng các tiêu chí chủ yếu của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc được cụ thể hóa trong Quy chuẩn kỹ thuật, Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) đối với cơ sở sản xuất, sơ chế và Quy chuẩn kỹ thuật, Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm *(sau đây gọi chung là Quy chuẩn kỹ thuật)*.

b) Áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho người lao động trong sản xuất, sơ chế sản phẩm.

3. Sản phẩm an toàn là sản phẩm nông lâm thủy sản được đánh giá, chứng nhận, công bố là sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật hoặc với VietGAP và là một trong các loại sản phẩm sau:

a) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc GAP khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

c) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

4. Cơ sở sản xuất: Nơi thực hiện các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng sản phẩm nông sản, thủy sản.

5. Cơ sở sơ chế: Nơi xử lý sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng khai thác (bao gồm cả hoạt động thu mua) nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thực phẩm, bán thành phẩm cho khâu chế biến thực phẩm tiếp theo.

Điều 4. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ

1. Danh mục theo Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sản phẩm trồng trọt: Rau các loại, quả các loại, chè, cà phê, lúa.
- Sản phẩm chăn nuôi: Lợn, gia cầm (gà, ngan, vịt), ong.
- Sản phẩm thủy sản: Cá rô phi.

2. Danh mục đặc thù của địa phương

- Sản phẩm chăn nuôi: Bò thịt, dê thịt.

Điều 5. Quy mô cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP được hỗ trợ

TT	Hạng mục	Quy mô
1	Trồng rau, quả các loại	Diện tích từ 01 ha trở lên/cơ sở sản xuất
2	Trồng cây ăn quả	Diện tích từ 3 ha trở lên/cơ sở sản xuất
3	Trồng cà phê	Diện tích 5 ha trở lên/cơ sở sản xuất
4	Trồng chè	Diện tích 3 ha trở lên/cơ sở sản xuất
5	Trồng lúa	Diện tích từ 10 ha trở lên/cơ sở sản xuất
6	Nuôi lợn thịt	Quy mô đàn từ 500 con trở lên/cơ sở sản xuất
7	Nuôi gia cầm (gà, ngan, vịt)	Quy mô đàn từ 2.000 con trở lên/cơ sở sản xuất
8	Nuôi bò thịt	Quy mô đàn từ 50 con trở lên/cơ sở sản xuất
9	Nuôi dê thịt	Quy mô đàn từ 200 con trở lên/cơ sở sản xuất
10	Nuôi ong	Số lượng 200 thùng trở lên/cơ sở
11	Nuôi cá rô phi trong ao	Diện tích mặt nước ao nuôi từ 1,0 ha trở lên/cơ sở nuôi
12	Nuôi cá rô phi trong lồng	200 m^3 lồng trở lên/ cơ sở nuôi

Điều 6. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ

1. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, nông thôn tỉnh Điện Biên và các quy hoạch chuyên ngành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân từ cấp huyện trở lên đối với trường hợp chưa có quy hoạch.

2. Sản phẩm đăng ký áp dụng VietGAP phải thuộc Danh mục quy định tại Điều 4 Quy định này và đáp ứng yêu cầu về Quy mô cơ sở được hỗ trợ quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Giấy đăng ký áp dụng VietGAP theo mẫu quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT, có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân từ cấp huyện trở lên phê duyệt.

4. Có cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, thủy sản an toàn kể cả khi kết thúc hỗ trợ; đồng thời phải lập hồ sơ về môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong giấy đăng ký VietGAP có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại nơi đăng ký áp dụng ViệtGAP.

6. Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi sản phẩm của cơ sở được đánh giá, chứng nhận VietGAP.

Chương II
NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ ÁP DỤNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT

Điều 7. Hỗ trợ vùng sản xuất tập trung

1. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm, thủy sản áp dụng VietGAP.

b) Hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thuỷ lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP.

2. Hạn mức hỗ trợ

a) Đối với hỗ trợ kinh phí phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí: Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự án sản xuất sản phẩm trồng trọt hỗ trợ không quá 40.000.000 đồng/dự án; Dự án sản xuất sản phẩm chăn nuôi hỗ trợ không quá 10.000.000 đồng/dự án; Dự án nuôi thuỷ sản hỗ trợ không quá 12.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo: Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Hỗ trợ người sản xuất áp dụng VietGAP

1. Hỗ trợ tổ chức tập huấn cho người lao động áp dụng VietGAP

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo, dạy nghề người lao động áp dụng VietGAP.

b) Nội dung hỗ trợ gồm: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng. Định mức chi cụ thể của từng nội dung theo quy định tại Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương sử dụng nguồn kinh phí khuyến nông của tỉnh Điện Biên.

c) Hạn mức hỗ trợ: Hỗ trợ không quá 02 lớp/01 huyện/ 01 năm.

2. Hỗ trợ thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP *(lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP).*

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP

b) Hạn mức hỗ trợ: Hỗ trợ cấp lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

Điều 9. Hỗ trợ xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

1. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên.

2. Hạn mức hỗ trợ: Mỗi huyện hỗ trợ không quá 01 mô hình/năm.

Điều 10. Hỗ trợ kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp kiến thức về áp dụng VietGAP

1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ (01) một lần 100% kinh phí tổ chức tập huấn, đào tạo.

2. Nội dung hỗ trợ gồm: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng. Định mức chi cụ thể của từng nội dung, đối tượng tập huấn theo quy định tại Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên.

3. Hạn mức hỗ trợ: Mỗi năm tập huấn 01 lần cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp.

Điều 11. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại

1. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điều 10, Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập và ban hành Quy chế sử dụng, quản lý Quỹ xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên (các văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung nếu có).

2. Nội dung được hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 9, Quyết định số1309/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập và ban hành Quy chế sử dụng, quản lý Quỹ xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên (các văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung nếu có).

3. Hạn mức hỗ trợ: Theo chương trình xúc tiến thương mại do từng đơn vị xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Lập, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm

Căn cứ kết quả đăng ký áp dụng VietGAP, dự án (phương án) của người sản xuất, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và lập dự toán kinh phí hỗ trợ trên địa bàn huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 13. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương

Hỗ trợ thông qua các dự án, chương trình mục tiêu về áp dụng VietGAP, các dự án, chương trình mục tiêu khác có liên quan, các dự án do Trung ương đầu tư thực hiện có tính chất liên vùng có tỉnh Điện Biên tham gia, kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp khoa học do Trung ương quản lý, đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Ngân sách địa phương

a) Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ bố trí hỗ trợ cho hoạt động phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định đủ điều kiện sản xuất áp dụng VietGAP; hoạt động thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP.

b) Kinh phí từ các chương trình dự án lồng ghép khác bố trí hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP.

c) Kinh phí xúc tiến thương mại bố trí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại cho các cơ sở có sản phẩm đạt chứng nhận VietGAP.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khảo sát điều kiện của cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP; Hướng dẫn cơ sở lựa chọn các tổ chức tư vấn, đánh giá, chứng nhận cho các cơ sở tham gia áp dụng VietGAP trên địa bàn tỉnh.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VietGAP; xây dựng các chương trình, dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

4. Định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 15. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, cân đối nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện.

Điều 16. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Lập kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng dự án để thực hiện các nội dung thuộc chính sách được hỗ trợ theo Quy định này và thực hiện theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; tham gia thẩm định các nội dung liên quan theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép các chương trình, dự án khác có liên quan để đầu tư, hỗ trợ cho các dự án VietGAP trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn người sản xuất xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong sản xuất.

2. Tham mưu đối với Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến các sản phẩm VietGAP; Hỗ trợ kinh phí xây dựng bảo hộ thương hiệu, sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm theo quy định; Hỗ trợ xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học.

Điều 18. Sở Công Thương

Hàng năm, xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Điều 19. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn cho người sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản và thủy sản an toàn theo quy trình VietGap thực hiện việc đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường và những nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý theo quy định.

Điều 20. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP.

Điều 21. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Điện Biên

Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, sơ chế các sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

Điều 22. Các tổ chức, hiệp hội trên địa bàn tỉnh

Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động các hội viên, người sản xuất, sơ chế áp dụng VietGAP, người kinh doanh và người tiêu dùng quan tâm, ưu tiên tiêu thụ sản phẩm an toàn.

Điều 23. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ

Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền, thông tin về sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

Điều 24. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố *(Sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp huyện)*

1. Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với các đơn vị, đoàn thể liên quan tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký và lập dự án sản xuất áp dụng quy trình VietGAP để được hưởng các cơ chế chính sách theo quy định.

2. Hướng dẫn người sản xuất xây dựng dự án và đề xuất kinh phí cụ thể về phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản và thủy sản theo tiêu chuẩn quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn.

3. Chủ trì thẩm định, xét duyệt đối tượng đăng ký, hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án VietGAP. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp; Phối hợp với sở Tài chính, sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; Thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm áp dụng VietGAP của các cơ sở trên địa bàn quản lý.

5. Định kỳ sáu tháng, hàng quý, tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư.

Điều 25. Trách nhiệm của người sản xuất

1. Thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của Luật an toàn thực phẩm; các quy định tại Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 và Quy định, hướng dẫn liên quan về VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và những quy định khác liên quan.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ; Báo cáo kết quả thực hiện dự án, chương trình về cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tham mưu, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Mùa A Sơn